

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN: **TOÁN - CHÍNH KHÓA**

KHỐI: 10 **HỌC KÌ: II** **NĂM HỌC: 2022 - 2023**

Số tiết chính khóa/tuần: 4 **HỌC KỲ II (68 TIẾT)**

Đại số và Giải tích : 24 tiết – Hình học và đo lường : 16 tiết – Xác suất : 5 tiết

HĐTN và Thực hành : 6 tiết – Chuyên đề học tập : 17 tiết.

Tuần	Tiết	Nội dung chủ đề, chuyên đề và chương trình giảng dạy (dựa trên phân phối chương trình phổ thông)	Nội dung chủ đề, chuyên đề và chương trình giảng dạy (tăng cường)
1 09/01 - 17/01	1	Bài 1: Dấu của tam thức bậc hai	LT Dấu của tam thức bậc hai LT Tọa độ của vec tơ
	2	Bài 1: Dấu của tam thức bậc hai	
	1	Bài 1: Tọa độ của vec tơ	
	2	Bài 1: Tọa độ của vec tơ	
NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN từ 18/01 đến 28/01			
3 30/01 - 04/02	3	Bài 2: Giải bất phương trình bậc hai 1 ẩn	LT Giải bất phương trình bậc hai một ẩn LT Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ
	4	Bài 2: Giải bất phương trình bậc hai 1 ẩn	
	3	Bài 2: Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ	
	4	Bài 2: Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ	

4 06/02 - 11/02	5	Bài 2: Giải bất phương trình bậc hai 1 ẩn	LT Giải bất phương trình bậc hai một ẩn
	6	Bài 3: Phương trình quy về bậc hai	
	5	Bài 2: Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ	LT Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ
	6	Bài 2: Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ	
5 13/02 - 18/02	7	Bài 3: Phương trình quy về bậc hai	LT Phương trình quy về bậc hai. LT Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ
	8	Bài 3: Phương trình quy về bậc hai	
	7	Bài 2: Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ	
	8	Bài 2: Đường thẳng trong mặt phẳng tọa độ	
6 20/02 - 25/02	9	Bài tập cuối chương XII	LT Bài tập cuối chương XII LT Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ
	10	Bài tập cuối chương XII	
	9	Bài 3: Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	
	10	Bài 3: Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	
7 27/02 - 04/03	11	Bài 1: Quy tắc cộng – Quy tắc nhân	LT Quy tắc cộng – Quy tắc nhân LT Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ
	12	Bài 1: Quy tắc cộng – Quy tắc nhân	
	11	Bài 3: Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	
	12	Bài 3: Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	

8 06/03 - 11/03	13	Bài 2: Hoán vị - Chính hợp - Tổ hợp	LT Hoán vị - Chính hợp - Tổ hợp
	14	Bài 2: Hoán vị - Chính hợp - Tổ hợp	
	15	Bài 3: Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	LT Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ
	16	Bài 3: Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	
9 (13/03 – 18/03): KTTT HK2			
10 20/03 - 25/03	17	Bài 3: Nhị thức Newton	LT Nhị thức Newton
	18	CĐ 2 – Bài 2: Nhị thức Newton	
	5	Bài 4: Ba đường Conic trong mặt phẳng tọa độ	
	6	Bài 4: Ba đường Conic trong mặt phẳng tọa độ	
11 27/03 - 01/04	19	Bài tập cuối CĐ 2 Bài 2: Nhị thức Newton	LT Bài tập cuối chương XIII
	20	Bài tập cuối chương XIII	
	1	Bài tập cuối chương IX	
	2	Bài tập cuối chương IX	
12 03/04 - 08/04	21	Bài 1: Không gian mẫu và biến cố	LT Xác suất của biến cố LT CĐ 3
	22	Bài 2: Xác suất của biến cố	
	3	CĐ 3 – Bài 1: Elip	
	4	CĐ 3 – Bài 2: Hyperbol	

13 10/04 - 15/04	5	Bài 2: Xác suất của biến cố	LT Bài tập cuối chương X
	1	Bài tập cuối chương X	
	2	CĐ 3 – Bài 3: Parabol	LT CĐ 3
	3	CĐ 3 – Bài 4: Tính chất chung của ba đường conic	
14 17/04 - 22/04	4	Ôn tập KT HK2	Ôn tập HK II
	5	Ôn tập KT HK2	
	6	Ôn tập KT HK2	
	7	Ôn tập KT HK2	
15 (24/04 – 29/04): KT HK2			
16 01/05 - 06/05	12	CĐ 3 – Bài 4: Tính chất chung của ba đường conic	LT CĐ 3
	13	CĐ 3 – Bài 4: Tính chất chung của ba đường conic	
	14	Sửa bài KT HK2	
	15	Sửa bài KT HK2	
17 08/05 - 13/05	16	Bài tập cuối chuyên đề 3	LT Bài tập cuối chuyên đề 3
	17	Bài tập cuối chuyên đề 3	
	23	HĐTN : Vẽ ba đường conic bằng phần mềm GEO GEBRA	
	24	HĐTN : Vẽ ba đường conic bằng phần mềm GEO GEBRA	

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN: **TOÁN - CHÍNH KHÓA**

KHỐI: 11

HỌC KÌ: II

NĂM HỌC: 2022-2023

Số tiết chính khóa/tuần: 4

Tổng số tiết tự chọn/ Học kì: 17 tiết/hk2

THỜI GIAN	Số TT liên tục theo HK2	Số TT theo Tuần	Tên tiết dạy của chủ đề	NỘI DUNG BÀI DẠY (Kiến thức, kỹ năng, thái độ)	Nội dung giảm tải, tích hợp lồng ghép	Thực hiện bài kiểm tra - Báo điểm	Đồ dùng dạy học tối thiểu -phương tiện nghe nhìn
TUẦN 1 Từ 09/01 đến 17/01	1 2	1 2	Ôn tập chương III Chủ đề 3. Dãy số - CSC - CSN	<i>Về kiến thức:</i> - Hiểu được các kiến thức về dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân và mạch kiến thức của chương. - Hiểu và vận dụng được các định nghĩa, tính chất, định lý và công thức trong chương. <i>Về kỹ năng:</i> - Biết cách cho một dãy số, xét tính tăng giảm của một dãy số. - Xác định được các yếu tố còn lại của cấp số cộng, cấp số nhân khi biết một số yếu tố xác định cấp số đó.	- Bài tập 5, 11, 13, 15, 18, 19: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	3 4	3 4	CIII-2. Hai đường thẳng vuông góc.	<i>Về kiến thức:</i> Biết được: - Khái niệm vectơ chỉ phương của đường thẳng; - Khái niệm góc giữa hai đường thẳng; - Khái niệm và điều kiện hai đường thẳng vuông góc với nhau. <i>Về kỹ năng:</i> - Xác định được vectơ chỉ phương của đường thẳng; góc giữa hai đường thẳng. - Biết chứng minh hai đường thẳng vuông góc với nhau.	- HĐ 2, 3, 4: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 6, 7: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	5	TC	<i>Luyện tập</i> Ôn tập chương III				

Nghỉ Tết Nguyên Đán Từ 18/01 Đến 28/01

TUẦN 3 Từ 30/01 đến 04/02	11 12	1 2	CHỦ ĐỀ ĐS-GT 4. GIỚI HẠN CIV-1. Giới hạn của dãy số	<i>Về kiến thức:</i> - Biết khái niệm giới hạn của dãy số (thông qua ví dụ cụ thể). - Biết (không chứng minh): + Nếu $\lim u_n = L$ thì $\lim u_n = L$ + Nếu $\lim u_n = L$, $u_n \geq 0$, $\forall n$ thì $L \geq 0$ và $\lim \sqrt{u_n} = \sqrt{L}$; Định lí về: $\lim (u_n \pm v_n)$, $\lim (u_n \cdot v_n)$, $\lim \left(\frac{u_n}{v_n}\right)$. <i>Về kỹ năng:</i> - Biết vận dụng: $\lim_{n \rightarrow \infty} \frac{1}{n} = 0$; $\lim_{n \rightarrow \infty} \frac{1}{\sqrt{n}} = 0$; $\lim q^n = 0$ <i>khi $q < 1$ để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản.</i> - Tìm được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn.	- HĐ 1, 2: <i>HS tự làm</i> - VD 1, 6: <i>HS tự đọc</i> - Bài tập 1, 2, 4, 6: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	13 14	3 4	CIII-3. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	<i>Về kiến thức:</i> Biết được: - Định nghĩa và điều kiện đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; - Khái niệm phép chiếu vuông góc; - Khái niệm mặt phẳng trung trực của một đoạn thẳng. <i>Về kỹ năng:</i> - Biết cách chứng minh: một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng. - Xác định được vector pháp tuyến của một mặt phẳng. - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Bước đầu vận dụng được định lý ba đường vuông góc. - Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết xét mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng.	- HĐ 1, 2, mục V.1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Phần chứng minh các định lí: <i>tự học có hướng dẫn.</i> - Bài tập 6, 7: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	15	TC	<i>Luyện tập</i> Giới hạn của dãy số				

TUẦN 4 Từ 06/02 đến 11/02	16 17	1 2	CIV-1. Giới hạn của dãy số	<i>Về kiến thức:</i> - Biết khái niệm giới hạn của dãy số (thông qua ví dụ cụ thể). - Biết (không chứng minh): + Nếu $\lim u_n = L$ thì $\lim u_n = L$ + Nếu $\lim u_n = L$, $u_n \geq 0$, $\forall n$ thì $L \geq 0$ và $\lim \sqrt{u_n} = \sqrt{L}$; Định lí về: $\lim (u_n \pm v_n)$, $\lim (u_n \cdot v_n)$, $\lim \left(\frac{u_n}{v_n}\right)$. <i>Về kỹ năng :</i> - Biết vận dụng: $\lim_{n \rightarrow \infty} \frac{1}{n} = 0$; $\lim_{n \rightarrow \infty} \frac{1}{\sqrt{n}} = 0$; $\lim q^n = 0$ khi $q < 1$ để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản. - Tìm được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn.	- HĐ 1, 2: HS tự làm - VD 1, 6: HS tự đọc - Bài tập 1, 2, 4, 6: không yêu cầu HS làm		
	18 19	3 4	CIII-3. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tt)	<i>Về kiến thức:</i> Biết được: - Định nghĩa và điều kiện đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; - Khái niệm phép chiếu vuông góc; - Khái niệm mặt phẳng trung trực của một đoạn thẳng. <i>Về kỹ năng :</i> - Biết cách chứng minh: một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng. - Xác định được vectơ pháp tuyến của một mặt phẳng. - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Bước đầu vận dụng được định lý ba đường vuông góc. - Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết xét mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng.	- HĐ 1, 2, mục V.1: tự học có hướng dẫn - Phân chứng minh các định lí: tự học có hướng dẫn. - Bài tập 6, 7: tự học có hướng dẫn		
	20	TC	Luyện tập Giới hạn của hàm số				

TUẦN 5 Từ 13/02 đến 18/02	21 22	1 2	CIV-2. Giới hạn của hàm số	<i>Về kiến thức :</i> - Biết khái niệm giới hạn của hàm số; giới hạn một bên. - Biết (không chứng minh): + Nếu $\lim_{x \rightarrow x_0} f(x) = L$ thì $\lim_{x \rightarrow x_0} f(x) = L$ + Nếu $\lim_{x \rightarrow x_0} f(x) = L, f(x) \geq 0$ với $x \neq x_0$ thì $L \geq 0$ và $\lim_{x \rightarrow x_0} \sqrt{f(x)} = \sqrt{L}$ + Định lí về giới hạn: $\lim_{x \rightarrow x_0} [f(x) \pm g(x)], \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x)}{g(x)}, \lim_{x \rightarrow x_0} [f(x) \cdot g(x)]$. <i>Về kỹ năng:</i> Trong một số trường hợp đơn giản, tính được - Giới hạn của hàm số tại một điểm. - Giới hạn một bên - Giới hạn của hàm số tại $\pm\infty$ - Một số giới hạn dạng $\frac{0}{0}; \frac{\infty}{\infty}; \infty - \infty$.	- HĐ 1, 3: HS tự làm - Bài tập 1, 2, 5: không yêu cầu HS làm		
	23 24	3 4	CIII-3. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tt)	<i>Về kiến thức:</i> Biết được: - Định nghĩa và điều kiện đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; - Khái niệm phép chiếu vuông góc; - Khái niệm mặt phẳng trung trực của một đoạn thẳng. <i>Về kỹ năng :</i> - Biết cách chứng minh: một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng. - Xác định được vector pháp tuyến của một mặt phẳng. - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Bước đầu vận dụng được định lý ba đường vuông góc. - Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết xét mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng.	- HĐ 1, 2, mục V.1: tự học có hướng dẫn - Phần chứng minh các định lí: tự học có hướng dẫn. - Bài tập 6, 7: tự học có hướng dẫn		
	25	TC	Luyện tập Giới hạn của hàm số				

TUẦN 6 Từ 20/02 đến 25/02	26 27	1 2	CIV-2. Giới hạn của hàm số (tt)	Về kiến thức : - Biết khái niệm giới hạn của hàm số; giới hạn một bên. - Biết (không chứng minh): + Nếu $\lim_{x \rightarrow x_0} f(x) = L$ thì $\lim_{x \rightarrow x_0} f(x) = L$ + Nếu $\lim_{x \rightarrow x_0} f(x) = L, f(x) \geq 0$ với $x \neq x_0$ thì $L \geq 0$ và $\lim_{x \rightarrow x_0} \sqrt{f(x)} = \sqrt{L}$ + Định lí về giới hạn: $\lim_{x \rightarrow x_0} [f(x) \pm g(x)], \lim_{x \rightarrow x_0} \frac{f(x)}{g(x)}, \lim_{x \rightarrow x_0} [f(x) \cdot g(x)]$. Về kỹ năng: Trong một số trường hợp đơn giản, tính được - Giới hạn của hàm số tại một điểm. - Giới hạn một bên - Giới hạn của hàm số tại $\pm\infty$ - Một số giới hạn dạng $\frac{0}{0}; \frac{\infty}{\infty}; \infty - \infty$.	- HĐ 1, 3: HS tự làm - Bài tập 1, 2, 5: không yêu cầu HS làm		
	28 29	3 4	CIII-3. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tt)	Về kiến thức: Biết được: - Định nghĩa và điều kiện đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; - Khái niệm phép chiếu vuông góc; - Khái niệm mặt phẳng trung trực của một đoạn thẳng. Về kỹ năng : - Biết cách chứng minh: một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng. - Xác định được vector pháp tuyến của một mặt phẳng. - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Bước đầu vận dụng được định lý ba đường vuông góc. - Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết xét mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng.	- HĐ 1, 2, mục V.1: tự học có hướng dẫn - Phân chứng minh các định lí: tự học có hướng dẫn. - Bài tập 6, 7: tự học có hướng dẫn		
	30	TC	Luyện tập Giới hạn hàm số				

TUẦN 7 Từ 27/02 đến 04/03	31 32	1 2	CIV-3. Hàm số liên tục	<i>Về kiến thức:</i> Biết được - Định nghĩa hàm số liên tục (tại một điểm, trên một khoảng). - Định lý về tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. - Định lý về hàm đa thức. phân thức hữu tỉ liên tục trên tập xác định của chúng. <i>Về kỹ năng :</i> - Biết ứng dụng các định lý nói trên xét tính liên tục của một hàm số đơn giản. - Biết chứng minh một phương trình có nghiệm dựa vào định lý về hàm số liên tục.	- HĐ 1, 3, 4: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 4, 5: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	33 34	3 4	CIII-3. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (tt)	<i>Về kiến thức:</i> Biết được: - Định nghĩa và điều kiện đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; - Khái niệm phép chiếu vuông góc; - Khái niệm mặt phẳng trung trực của một đoạn thẳng. <i>Về kỹ năng :</i> - Biết cách chứng minh: một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng; một đường thẳng vuông góc với một đường thẳng. - Xác định được vector pháp tuyến của một mặt phẳng. - Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Bước đầu vận dụng được định lý ba đường vuông góc. - Xác định được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Biết xét mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng.	- HĐ 1, 2, mục V.1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Phần chứng minh các định lý: <i>tự học có hướng dẫn.</i> - Bài tập 6, 7: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	35	TC	Luyện tập Hàm số liên tục				
TUẦN 8 Từ 06/03 đến 11/03	36 37		ÔN TẬP CHỦ ĐỀ ĐS-GT 4. GIỚI HẠN				
	38 39		Ôn tập đường thẳng vuông góc mặt phẳng				
	40		Luyện tập chủ đề giới hạn				

TUẦN 9 (Từ 06/03 đến 11/03): KTTT HK2

TUẦN 10 Từ 20/03 đến 25/03	46 47	1 2	CHỦ ĐỀ DS-GT 5. ĐẠO HÀM CV-1. Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm	<i>Về kiến thức:</i> - Biết định nghĩa đạo hàm (tại một điểm, trên một khoảng). - Biết ý nghĩa vật lý và hình học của đạo hàm. <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được đạo hàm của hàm lũy thừa, hàm đa thức bậc 2 hoặc 3 theo định nghĩa; - Viết được phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị đó. - Biết tìm vận tốc tức thời tại một thời điểm của một chuyển động có phương trình $S = f(t)$.	- Mục 1. Các bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm: <i>HS tự đọc</i> - HĐ 3, 4: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Phần CM định lý 2: <i>HS tự đọc</i> - Bài tập 4: <i>không yêu cầu HS làm</i> - Bài tập 5, 6: chuyển về sau § 2. Quy tắc tính đạo hàm		
	48 49	3 4	CIII-4. Hai mặt phẳng vuông góc	<i>Về kiến thức:</i> Biết được : - Khái niệm góc giữa hai mặt phẳng; - Khái niệm và điều kiện hai mặt phẳng vuông góc; - Tính chất hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương; - Khái niệm hình chóp đều và chóp cụt đều. <i>Về kỹ năng :</i> - Xác định được góc giữa hai mặt phẳng. - Biết chứng minh hai mặt phẳng vuông góc. - Vận dụng được tính chất của lăng trụ đứng, hình hộp, hình chóp đều, chóp cụt đều vào giải một số bài tập.	- HĐ 1, 3, 4 và mục IV.2: <i>Tự học có hướng dẫn</i> - Phần CM Định lý 1, 2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 4, 11: <i>HS tự làm</i>		
	50	TC	<i>Luyện tập</i> Quy tắc tính đạo hàm				
TUẦN 11 Từ 27/03 đến 01/04	51 52	1 2	CV-2. Quy tắc tính đạo hàm	<i>Về kiến thức:</i> - Biết quy tắc tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương các hàm số; hàm hợp và đạo hàm của hàm hợp. <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được đạo hàm của hàm số được cho ở các dạng nói trên.	- HĐ 1, 2, 4, 5, 6: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Phần CM các định lý 1, 2, 3: <i>HS tự học</i> - Bài tập: <i>bổ sung bài tập 5, 6 của §1. Định nghĩa và ý nghĩa của đạo hàm; bổ sung bài tập 1, 4a, 4b, 4c của §3. Đạo hàm của hàm số lượng giác</i>		

	53 54	3 4	CIII-4. Hai mặt phẳng vuông góc	<i>Về kiến thức:</i> Biết được : - Khái niệm góc giữa hai mặt phẳng; - Khái niệm và điều kiện hai mặt phẳng vuông góc; - Tính chất hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương; - Khái niệm hình chóp đều và chóp cụt đều. <i>Về kỹ năng :</i> - Xác định được góc giữa hai mặt phẳng. - Biết chứng minh hai mặt phẳng vuông góc. - Vận dụng được tính chất của lăng trụ đứng, hình hộp, hình chóp đều, chóp cụt đều vào giải một số bài tập.	- HĐ 1, 3, 4 và mục IV.2: <i>Tự học có hướng dẫn</i> - Phần CM Định lí 1, 2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 4, 11: <i>HS tự làm</i>		
	55	TC	Luyện tập Quy tắc tính đạo hàm				
TUẦN 12 Từ 18/04 đến 23/04	56 57	1 2	CV-3. Đạo hàm của hàm số lượng giác	<i>Về kiến thức:</i> - Biết $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{\sin x}{x} = 1$. - Biết đạo hàm của hàm số lượng giác. <i>Về kỹ năng:</i> - Biết vận dụng $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{\sin x}{x} = 1$ trong một số giới hạn dạng $\frac{0}{0}$ đơn giản - Tính được đạo hàm của một số hàm số lượng giác.	- HĐ 1, 4; các VD 1, 2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Phần CM định lý 2: <i>hs tự đọc</i> - Bài tập: <i>chuyển bài tập 1, 4a, 4b, 4c lên §2.</i> - Quy tắc tính đạo hàm - Bài tập 2, 5, 8: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	58 59	3 4	CIII-4. Hai mặt phẳng vuông góc (tt)	<i>Về kiến thức:</i> Biết được : - Khái niệm góc giữa hai mặt phẳng; - Khái niệm và điều kiện hai mặt phẳng vuông góc; - Tính chất hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương; - Khái niệm hình chóp đều và chóp cụt đều. <i>Về kỹ năng :</i> - Xác định được góc giữa hai mặt phẳng. - Biết chứng minh hai mặt phẳng vuông góc. - Vận dụng được tính chất của lăng trụ đứng, hình hộp, hình chóp đều, chóp cụt đều vào giải một số bài tập.	- HĐ 1, 3, 4 và mục IV.2: <i>Tự học có hướng dẫn</i> - Phần CM Định lí 1, 2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 4, 11: <i>HS tự làm</i>		
	60	TC	Luyện tập Quy tắc tính đạo hàm				

TUẦN 13 Từ 10/04 đến 15/04	61 62	1 2	CV – 5. Đạo hàm cấp hai	<i>Về kiến thức :</i> - Biết được định nghĩa, cách tính, ý nghĩa hình học và cơ cơ học của đạo hàm cấp hai. <i>Về kỹ năng :</i> Tính được - Đạo hàm cấp hai của một số hàm số. - Gia tốc tức thời của một chuyển động có phương trình $S = f(t)$ cho trước.			
	63 64	3 4	III-5. Khoảng cách	<i>Về kiến thức, kỹ năng:</i> Biết và xác định được: - Khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng; - Khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng; - Khoảng cách giữa hai đường thẳng - Khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song. - Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song. - Đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau. - Khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau.	- HĐ 1, 2, 3, 4, 6: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 1, 6: <i>HS tự làm</i>		
	65	TC	Luyện tập Đạo hàm của hàm số lượng giác				
TUẦN 14 Từ 17/04 đến 22/04	66 67	1 2	Ôn tập KT HK2				
	68 69	3 4	Ôn tập KT HK2		- Câu hỏi ôn tập: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Câu hỏi TNKQ 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10: <i>nếu sử dụng thì cần chỉnh sửa về kỹ thuật biên soạn</i>		
	70	TC	Luyện tập Ôn tập KT HK2				
TUẦN 15 (Từ 24/04 đến 29/04): KT HK2							

TUẦN 16 Từ 01/05 đến 06/05	76 77	1 2	CV – 4. Vi phân	<i>Về kiến thức</i> - Biết được $dy = y' dx$. <i>Về kỹ năng</i> - Tính được vi phân của một hàm số. - Giá trị gần đúng của hàm số tại một điểm.	- Mục 2. Ứng dụng vi phân vào phép tính gần đúng: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	78 79	3 4	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 2: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	80	TC	Sửa bài KT HK2 - Ôn tập chương 5				
TUẦN 17 Từ 08/05 đến 13/05	81 82	1 2	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 1c, 12, 14, 19, 20: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	83 84	3 4	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 2: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	85	TC	Luyện tập Ôn tập cuối năm				
TUẦN 18 Từ 15/05 đến 20/05	86 87	1 2	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 1c, 12, 14, 19, 20: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	88 89	3 4	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 2: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
	90	TC	Luyện tập Ôn tập cuối năm				

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN KHỐI 11
2 TIẾT TỰ CHỌN BUỔI 2
HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC: 2022 - 2023

Tuần	Bài dạy
1 (từ 09/01 đến 17/01)	Bài tập tăng cường Ôn tập chủ đề DÃY SỐ - CSC - CSN
	Từ 18/01 đến 28/01: NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN
3 (từ 30/01 đến 04/02)	Bài tập tăng cường CIV-1. GIỚI HẠN CỦA DÃY SỐ
4 (từ 06/02 đến 11/02)	Bài tập tăng cường CIV-1. GIỚI HẠN CỦA DÃY SỐ
5 (từ 13/02 đến 18/03)	Bài tập tăng cường CIV-2. GIỚI HẠN CỦA HÀM SỐ
6 (từ 20/02 đến 25/02)	Bài tập tăng cường CIV-2. GIỚI HẠN CỦA HÀM SỐ
7 (từ 27/02 đến 04/03)	Bài tập tăng cường CIV-3. HÀM SỐ LIÊN TỤC
8 (từ 06/03 đến 11/03)	Bài tập tăng cường ôn KTTT HK2
9 (từ 13/03 đến 18/03)	KTTT HK2
10 (từ 20/03 đến 25/03)	Bài tập tăng cường SỬA BÀI KTTT HK2 và CV-1. ĐỊNH NGHĨA VÀ Ý NGHĨA CỦA ĐẠO HÀM
11 (từ 27/03 đến 01/04)	Bài tập tăng cường CV-2. QUY TẮC TÍNH ĐẠO HÀM
12 (từ 03/04 đến 08/04)	Bài tập tăng cường CV-3. ĐẠO HÀM CỦA HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC
13 (từ 10/04 đến 15/04)	Bài tập tăng cường CV – 5. ĐẠO HÀM CẤP HAI
14 (từ 17/04 đến 22/04)	Bài tập tăng cường ÔN TẬP HK2
15 (từ 24/04 đến 29/04)	KT HK2
16 (từ 01/05 đến 06/05)	Bài tập tăng cường CV – 4. VI PHÂN; ÔN CUỐI NĂM; SỬA BÀI KT HKII
17 (từ 08/05 đến 13/05)	Bài tập tăng cường ÔN CUỐI NĂM
18 (từ 15/05 đến 20/05)	Bài tập tăng cường ÔN CUỐI NĂM

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN: **TOÁN - CHÍNH KHÓA**

KHỐI: 12

HỌC KÌ: II

NĂM HỌC: 2022-2023

Số tiết chính khóa/tuần: 4

Tổng số tiết tự chọn/ Học kì: 17 tiết/hk2

THỜI GIAN	Số TT liên tục theo HK2	Số TT theo Tuần	Tên tiết dạy của chủ đề	NỘI DUNG BÀI DẠY (Kiến thức, kỹ năng, thái độ)	Nội dung giảm tải, tích hợp lồng ghép	Thực hiện bài kiểm tra. Bảo điểm	Đồ dùng dạy học tối thiểu -phương tiện nghe nhìn
TUẦN 1 Từ 09/01 đến 17/01	1 2	1 2	CIII- 1. Nguyên hàm (tt)	<i>Về kiến thức :</i> - Hiểu khái niệm nguyên hàm của một hàm số. - Biết các tính chất cơ bản của nguyên hàm. <i>Về kỹ năng:</i> - Tìm được nguyên hàm của một số hàm số tương đối đơn giản dựa vào bảng nguyên hàm và cách tính nguyên hàm từng phần. - Sử dụng được phương pháp đổi biến số (khi đã chỉ rõ cách đổi biến số và không đổi biến số quá một lần) để tính nguyên hàm.	- HĐ 3, 4, 5, 6, 7, 8: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Tính chất 2, định lý 1, định lý 2: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i>		
	3 4	3 4	CIII-1. Hệ tọa độ trong không gian (tt)	<i>Về kiến thức:</i> - Biết các khái niệm hệ tọa độ trong không gian, tọa độ của một vector; Biểu thức tọa độ của các phép toán vector; Tọa độ của điểm. Khoảng cách giữa hai điểm. - Biết phương trình mặt cầu. - Biết khái niệm và một số ứng dụng của tích vector (Tích có hướng của hai vector). <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được tọa độ của tổng, hiệu của hai vector, tích của vector với một số; Tính được tích vô hướng của hai vector.	- HĐ 1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 2: <i>HS tự làm</i> - Mục III. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i>		

				- Tính được khoảng cách giữa hai điểm có tọa độ cho trước. - Xác định được tọa độ tâm và tìm được độ dài bán kính của mặt cầu có phương trình cho trước. - Viết được phương trình mặt cầu.			
	5	TC	Luyện tập Nguyên hàm				
Nghỉ Tết Nguyên Đán từ 18/01 đến 28/01							
TUẦN 3 Từ 30/01 đến 04/02	11 12	1 2	CIII- 1. Nguyên hàm (tt)	<i>Về kiến thức :</i> - Hiểu khái niệm nguyên hàm của một hàm số. - Biết các tính chất cơ bản của nguyên hàm. <i>Về kỹ năng:</i> - Tìm được nguyên hàm của một số hàm số tương đối đơn giản dựa vào bảng nguyên hàm và cách tính nguyên hàm từng phần. - Sử dụng được phương pháp đổi biến số (khi đã chỉ rõ cách đổi biến số và không đổi biến số quá một lần) để tính nguyên hàm.	- HĐ 3, 4, 5, 6, 7, 8: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Tính chất 2, định lý 1, định lý 2: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i>		
	13 14	3 4	CIII-1. Hệ tọa độ trong không gian (tt)	<i>Về kiến thức:</i> - Biết các khái niệm hệ tọa độ trong không gian, tọa độ của một vector; Biểu thức tọa độ của các phép toán vector; Tọa độ của điểm. Khoảng cách giữa hai điểm. - Biết phương trình mặt cầu. - Biết khái niệm và một số ứng dụng của tích vector (Tích có hướng của hai vector). <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được tọa độ của tổng, hiệu của hai vector, tích của vector với một số; Tính được tích vô hướng của hai vector. - Tính được khoảng cách giữa hai điểm có tọa độ cho trước. - Xác định được tọa độ tâm và tìm được độ dài bán kính của mặt cầu có phương trình cho trước. - Viết được phương trình mặt cầu.	- HĐ 1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 2: <i>HS tự làm</i> - Mục III. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i>		
	15	TC	Luyện tập Nguyên hàm				

TUẦN 4 Từ 06/02 đến 11/02	16 17	1 2	CIII- 1. Nguyên hàm (tt)	<i>Về kiến thức :</i> - Hiểu khái niệm nguyên hàm của một hàm số. - Biết các tính chất cơ bản của nguyên hàm. <i>Về kỹ năng:</i> - Tìm được nguyên hàm của một số hàm số tương đối đơn giản dựa vào bảng nguyên hàm và cách tính nguyên hàm từng phần. - Sử dụng được phương pháp đổi biến số (khi đã chỉ rõ cách đổi biến số và không đổi biến số quá một lần) để tính nguyên hàm.	- HĐ 3, 4, 5, 6, 7, 8: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Tính chất 2, định lý 1, định lý 2: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i>		
	18 19	3 4	CIII-1. Hệ tọa độ trong không gian (tt).	<i>Về kiến thức:</i> - Biết các khái niệm hệ tọa độ trong không gian, tọa độ của một vector; Biểu thức tọa độ của các phép toán vector; Tọa độ của điểm. Khoảng cách giữa hai điểm. - Biết phương trình mặt cầu. - Biết khái niệm và một số ứng dụng của tích vector (Tích có hướng của hai vector). <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được tọa độ của tổng, hiệu của hai vector, tích của vector với một số; Tính được tích vô hướng của hai vector. - Tính được khoảng cách giữa hai điểm có tọa độ cho trước. - Xác định được tọa độ tâm và tìm được độ dài bán kính của mặt cầu có phương trình cho trước. - Viết được phương trình mặt cầu.	- HĐ 1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 2: <i>HS tự làm</i> - Mục III. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i>		
	20	TC	Luyện tập Tích phân				
TUẦN 5 Từ 13/02 đến 18/02	21 22	1 2	CIII-2. Tích phân	<i>Về kiến thức:</i> - Biết khái niệm về diện tích hình thang cong. - Biết định nghĩa tích phân của hàm số liên tục bằng công thức Newton Leibniz - Biết các tính chất của tích phân. <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được tích phân của một số hàm số tương đối đơn giản bằng định nghĩa hoặc bằng phương pháp tính tích phân từng phần. - Sử dụng được phương pháp đổi biến số (khi đã chỉ rõ cách đổi biến số và không đổi biến số quá một lần) để tính tích phân	- HĐ 1, VD 1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 3: <i>HS tự làm</i> - Tính chất 3: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - HĐ 4, HĐ 5: <i>tự học có hướng dẫn</i>		

	23 24	3 4	CIII-2. Phương trình mặt phẳng	<i>Về kiến thức :</i> - Hiểu được khái niệm vectơ pháp tuyến của mặt phẳng - Biết phương trình tổng quát của mặt phẳng, điều kiện vuông góc hoặc song song của hai mặt phẳng, công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng. <i>Về kỹ năng:</i> - Xác định được vectơ pháp tuyến của mặt phẳng- Biết cách viết phương trình tổng quát mặt phẳng và tính được khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng	- Mục I. Bài toán, mục II. Bài toán 2, mục IV. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - Mục II.2, mục III.2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 7: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	25	TC	Luyện tập Tích phân				
TUẦN 6 Từ 20/02 đến 25/02	26 27	1 2	CIII-2. Tích phân (tt)	<i>Về kiến thức:</i> - Biết khái niệm về diện tích hình thang cong. - Biết định nghĩa tích phân của hàm số liên tục bằng công thức Newton Leibniz - Biết các tính chất của tích phân. <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được tích phân của một số hàm số tương đối đơn giản bằng định nghĩa hoặc bằng phương pháp tính tích phân từng phần. - Sử dụng được phương pháp đổi biến số (khi đã chỉ rõ cách đổi biến số và không đổi biến số quá một lần) để tính tích phân	- HĐ 1, VD 1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 3: <i>HS tự làm</i> - Tính chất 3: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - HĐ 4, HĐ 5: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	28 29	3 4	CIII-2. Phương trình mặt phẳng (tt)	<i>Về kiến thức :</i> - Hiểu được khái niệm vectơ pháp tuyến của mặt phẳng - Biết phương trình tổng quát của mặt phẳng, điều kiện vuông góc hoặc song song của hai mặt phẳng, công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng. <i>Về kỹ năng:</i> - Xác định được vectơ pháp tuyến của mặt phẳng - Biết cách viết phương trình tổng quát mặt phẳng và tính được khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng	- Mục I. Bài toán, mục II. Bài toán 2, mục IV. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - Mục II.2, mục III.2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 7: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	30	TC	Luyện tập Tích phân				
TUẦN 7 Từ 27/02 đến	31 32	1 2	CIII-2. Tích phân (tt)	<i>Về kiến thức:</i> - Biết khái niệm về diện tích hình thang cong. - Biết định nghĩa tích phân của hàm số liên tục bằng công thức Newton Leibniz - Biết các tính chất của tích phân.	- HĐ 1, VD 1: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 3: <i>HS tự làm</i> - Tính chất 3: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i>		

04/03				<i>Về kỹ năng:</i> - Tính được tích phân của một số hàm số tương đối đơn giản bằng định nghĩa hoặc bằng phương pháp tính tích phân từng phần. - Sử dụng được phương pháp đổi biến số (khi đã chỉ rõ cách đổi biến số và không đổi biến số quá một lần) để tính tích phân	- HĐ 4, HĐ 5: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	33 34	3 4	CIII-2. Phương trình mặt phẳng (tt)	<i>Về kiến thức :</i> - Hiểu được khái niệm vector pháp tuyến của mặt phẳng - Biết phương trình tổng quát của mặt phẳng, điều kiện vuông góc hoặc song song của hai mặt phẳng, công thức tính khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng. <i>Về kỹ năng:</i> - Xác định được vector pháp tuyến của mặt phẳng - Biết cách viết phương trình tổng quát mặt phẳng và tính được khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng	- Mục I. Bài toán, mục II. Bài toán 2, mục IV. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - Mục II.2, mục III.2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - HĐ 7: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	35	TC	Luyện tập chương 3 - chủ đề 3 Nguyên hàm - Tích phân	<i>Lưu ý:</i> - Các tích phân của hàm $f(x)$ trên đoạn $[a; b]$ đều có chung một giả thiết: hàm $f(x)$ xác định và liên tục trên đoạn $[a; b]$, điều đó dẫn tới việc loại những bài tập cho tính tích phân của hàm số hoặc không xác định ở cận tích phân hoặc không xác định ở 1 điểm, đoạn, ... nào đó trong đoạn lấy tích phân.	- Bài 7b, câu hỏi TNKQ 6: <i>không yêu cầu HS làm</i>		
TUẦN 8 Từ 06/03 đến 11/03	36 37	1 2	Ôn tập chủ đề Nguyên hàm – Tích phân				
	38 39	3 4	Ôn tập KTTT HK2				
	40	TC	Luyện tập chương 3 - chủ đề 3 Nguyên hàm - Tích phân	<i>Lưu ý:</i> - Các tích phân của hàm $f(x)$ trên đoạn $[a; b]$ đều có chung một giả thiết: hàm $f(x)$ xác định và liên tục trên đoạn $[a; b]$, điều đó dẫn tới việc loại những bài tập cho tính tích phân của hàm số hoặc không xác định ở cận tích phân hoặc không xác định ở 1 điểm, đoạn, ... nào đó trong đoạn lấy tích phân.	- Bài 7b, câu hỏi TNKQ 6: <i>không yêu cầu HS làm</i>		

Tuần 9 (từ 13/03 đến 18/03): KTTT HK2

TUẦN 10 Từ 20/03 đến 25/03	46 47	1 2	CIII-3. Ứng dụng của tích phân trong hình học	<i>Về kiến thức :</i> - Biết các công thức tính diện tích hình phẳng, thể tích vật thể, thể tích khối tròn xoay nhờ tích phân. <i>Về kỹ năng:</i> - Tính được diện tích một số hình phẳng, thể tích một số khối tròn xoay nhờ tích phân.	- HĐ 1, HĐ 2, VD 4, mục II.2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 3, 5: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	48 49	3 4	CIII-3. Phương trình đường thẳng trong không gian	<i>Về kiến thức :</i> - Biết phương trình tham số của đường thẳng, điều kiện để hai đường thẳng chéo nhau, cắt nhau, song song hoặc vuông góc với nhau. <i>Về kỹ năng:</i> - Biết cách viết phương trình tham số của đường thẳng. - Biết cách sử dụng phương trình của hai đường thẳng để xác định vị trí tương đối của hai đường thẳng đó.	- Mục I. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - HĐ 3, 4, VD 4: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	50	TC	Luyện tập Ứng dụng của tích phân trong hình học				
TUẦN 11 Từ 27/03 đến 01/04	51 52	1 2	CHỦ ĐỀ GT 4. SỐ PHỨC CIV -1. Số phức và các phép toán	<i>Về kiến thức :</i> - Biết dạng đại số của số phức. - Biết cách biểu diễn hình học của số phức, môđun của số phức, số phức liên hợp. <i>Về kỹ năng:</i> - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số phức.	- Ghép và cấu trúc §1. Số phức, §2. Cộng trừ và nhân số phức, §3. Phép chia số phức thành 1 bài “<i>Số phức và các phép toán</i>” gồm các nội dung: I. Số phức 1. Số i và định nghĩa số phức 2. Số phức bằng nhau 3. Biểu diễn hình học số phức 4. Môđun của số phức 5. Số phức liên hợp II. Cộng, trừ và nhân số phức 1. Phép cộng và phép trừ 2. Phép nhân III. Phép chia số phức		

					1. Tổng và tích của 2 số phức liên hợp 2. Phép chia hai số phức		
	53 54	3 4	CIII-3. Phương trình đường thẳng trong không gian (tt)	<i>Về kiến thức :</i> - Biết phương trình tham số của đường thẳng, điều kiện để hai đường thẳng chéo nhau, cắt nhau, song song hoặc vuông góc với nhau. <i>Về kỹ năng:</i> - Biết cách viết phương trình tham số của đường thẳng. - Biết cách sử dụng phương trình của hai đường thẳng để xác định vị trí tương đối của hai đường thẳng đó.	- Mục I. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - HĐ 3, 4, VD 4: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	55	TC	Luyện tập Số phức và các phép toán				
TUẦN 12 Từ 03/04 đến 08/04	56 57	1 2	CIV -4. Phương trình bậc hai với hệ số thực)	<i>Về kiến thức:</i> - Biết khái niệm căn bậc hai của số phức - Biết cách giải phương trình bậc hai với hệ số thực và có nghiệm phức <i>Về kỹ năng:</i> - Biết cách tính căn bậc hai của số phức. - Biết tìm nghiệm phức của phương trình bậc hai với hệ số thực (nếu $\Delta < 0$).	- Mục 2: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 3, 4, 5: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	58 59	3 4	CIII-3. Phương trình đường thẳng trong không gian (tt)	<i>Về kiến thức :</i> - Biết phương trình tham số của đường thẳng, điều kiện để hai đường thẳng chéo nhau, cắt nhau, song song hoặc vuông góc với nhau. <i>Về kỹ năng:</i> - Biết cách viết phương trình tham số của đường thẳng. - Biết cách sử dụng phương trình của hai đường thẳng để xác định vị trí tương đối của hai đường thẳng đó.	- Mục I. Định lý: <i>không yêu cầu HS chứng minh</i> - HĐ 3, 4, VD 4: <i>tự học có hướng dẫn</i>		
	60	TC	Luyện tập Số phức và các phép toán				

TUẦN 13 Từ 10/04 đến 15/04	61 62	1 2	Ôn tập chủ đề GT4 – Số Phức				
	63 64	3 4	Ôn tập chủ đề HH 3 - Hệ tọa độ không gian	<i>Về kiến thức:</i> - Nắm được các kiến thức đã học trong chương 3 <i>Về kỹ năng:</i> - Tổng hợp các kỹ năng trong chủ đề <i>Lưu ý:</i> - Học sinh nào cũng phải biết thêm cách tìm vector pháp tuyến của mặt phẳng nhờ tìm tích có hướng của hai vector không cùng phương có giá song song hoặc nằm trên mặt phẳng - Học sinh nào cũng được tiếp cận với việc lập phương trình của mặt phẳng trong các trường hợp: mặt phẳng đi qua gốc tọa độ; mặt phẳng song song hoặc chứa các trục Ox (hoặc Oy hoặc Oz); mặt phẳng song song hoặc trùng với một mặt phẳng tọa độ (Oxy) (hoặc (Oyz) hoặc (Ozx)); mặt phẳng đi qua cả ba điểm $A(a; 0; 0)$, $B(0; b; 0)$, $C(0; 0; c)$ với $abc \neq 0$. - Việc tính khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau d và d' được đưa về tìm khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng, cụ thể: Viết phương trình mặt phẳng (α) chứa đường thẳng d' và song song với đường thẳng d, sau đó tìm khoảng cách từ một điểm M bất kỳ thuộc d tới mặt phẳng (α). Khoảng cách đó chính là khoảng cách giữa d và d'.	- Câu hỏi TNKQ 1, 2, 4, 10, 13, 14: nếu sử dụng thì cần chỉnh sửa về kỹ thuật biên soạn		
	65	TC	Luyện tập chủ đề GT4 – Số Phức				
TUẦN 14 Từ 17/04 đến 22/04	66 67	1 2	Ôn thi HK2				
	68 69	3 4	Ôn thi HK2				
	70	TC	Luyện tập Ôn thi HK2				
TUẦN 15 (Từ 24/04 đến 29/04): THI HK2							

TUẦN 16 Từ 01/05 đến 06/05	76	1	Ôn tập		- II. Bài tập. Bài 14: <i>không</i>		
	77	2	cuối năm		<i>yêu cầu HS làm</i>		
	78 79	3 4	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 1, 3, 9, 12, 16: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 14: <i>HS tự học</i>		
	80	TC	<i>Sửa bài KT HK2 và Luyện tập Ôn tập cuối năm</i>				
TUẦN 17 Từ 08/05 đến 13/05	81	1	Ôn tập		- II. Bài tập. Bài 14: <i>không</i>		
	82	2	cuối năm		<i>yêu cầu HS làm</i>		
	83 84	3 4	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 1, 3, 9, 12, 16: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 14: <i>HS tự học</i>		
	85	TC	<i>Luyện tập Ôn tập cuối năm</i>				
TUẦN 18 Từ 15/05 đến 20/05	86	1	Ôn tập		- II. Bài tập. Bài 14: <i>không</i>		
	87	2	cuối năm		<i>yêu cầu HS làm</i>		
	88 89	3 4	Ôn tập cuối năm		- Bài tập 1, 3, 9, 12, 16: <i>tự học có hướng dẫn</i> - Bài tập 14: <i>HS tự học</i>		
	90	TC	<i>Luyện tập Ôn tập cuối năm</i>				

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN KHỐI 12
2 TIẾT TỰ CHỌN BUỔI 2
HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC: 2022 - 2023

Tuần	Bài dạy
1 (từ 09/01 đến 17/01)	Bài tập tăng cường CIII – 1. NGUYỄN HÀM
	Từ 18/01 đến 28/01: NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN
3 (từ 30/01 đến 04/02)	Bài tập tăng cường CIII – 1. NGUYỄN HÀM
4 (từ 06/02 đến 11/02)	Bài tập tăng cường CIII – 1. NGUYỄN HÀM
5 (từ 13/02 đến 18/03)	Bài tập tăng cường CIII – 2. TÍCH PHẦN
6 (từ 20/02 đến 25/02)	Bài tập tăng cường CIII – 2. TÍCH PHẦN
7 (từ 27/02 đến 04/03)	Bài tập tăng cường CIII – 2. TÍCH PHẦN
8 (từ 06/03 đến 11/03)	Bài tập tăng cường ôn tập KTTT HK2
9 (từ 13/03 đến 18/03)	KTTT HK2
10 (từ 20/03 đến 25/03)	Bài tập tăng cường CIII – 3. ỨNG DỤNG CỦA TÍCH PHẦN TRONG HÌNH HỌC
11 (từ 27/03 đến 01/04)	Bài tập tăng cường CIV – 1. SỐ PHỨC VÀ CÁC PHÉP TOÁN
12 (từ 03/04 đến 08/04)	Bài tập tăng cường CIV - 2. PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI VỚI HỆ SỐ THỰC
13 (từ 10/04 đến 15/04)	Bài tập tăng cường ÔN TẬP CIV – SỐ PHỨC
14 (từ 17/04 đến 22/04)	Bài tập tăng cường ÔN TẬP HK2
15 (từ 24/04 đến 29/04)	KT HK2
16 (từ 01/05 đến 06/05)	Bài tập tăng cường ÔN CUỐI NĂM; SỬA BÀI KT HKII
17 (từ 08/05 đến 13/05)	Bài tập tăng cường ÔN CUỐI NĂM
18 (từ 15/05 đến 20/05)	Bài tập tăng cường ÔN CUỐI NĂM